

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 08/02/2022 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 15, 16/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 576 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 15, 16/01/2022 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT185	Lê Thị Thủy	An	23/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt
2	CNTT186	Lê Văn	An	07/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
3	CNTT187	Nguyễn Văn	An	07/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
4	CNTT188	Đỗ Duy	Anh	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
5	CNTT189	Dương Hoài	Anh	02/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
6	CNTT190	Dương Hồng Tuấn	Anh	19/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
7	CNTT191	Hoàng Quốc	Anh	28/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt
8	CNTT192	Lưu Thị Lan	Anh	11/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
9	CNTT193	Nguyễn Thị Hồng	Anh	28/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	Đạt
10	CNTT194	Nguyễn Tuấn	Anh	31/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
11	CNTT195	Phạm Thị Ngọc	Anh	16/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt
12	CNTT196	Phạm Tuấn	Anh	04/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
13	CNTT197	Trần Tuấn	Anh	21/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
14	CNTT198	Lý Thị	Ánh	22/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.2	6.5	Đạt
15	CNTT199	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt
16	CNTT200	Vũ Ngọc	Ánh	16/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt
17	CNTT201	Ngô Văn	Bảo	02/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
18	CNTT202	Nguyễn Hữu	Bảo	15/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.5	Đạt
19	CNTT203	Hoàng Xuân	Bắc	25/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
20	CNTT204	Lưu Xuân	Bắc	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
21	CNTT205	Nguyễn Văn	Bắc	06/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
22	CNTT206	Đỗ Công	Biển	01/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
23	CNTT207	Nguyễn Trọng	Bình	11/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTT208	Vũ Trọng	Bình	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.2	7.0	Đạt
25	CNTT209	Trần	Cảnh	05/06/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
26	CNTT210	Nông Thị Linh	Chi	19/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	6.0	Đạt
27	CNTT211	Đặng Ngọc	Chiến	15/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.5	Đạt
28	CNTT212	Trần Sỹ	Chiến	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
29	CNTT213	Nguyễn Văn	Chinh	15/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt
30	CNTT214	Hà Minh	Chính	23/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
31	CNTT215	Nguyễn Đức	Chung	31/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
32	CNTT216	Hoàng Anh	Chuyên	24/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.7	7.0	Đạt
33	CNTT217	Phạm Văn	Công	20/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
34	CNTT218	Phùng Chí	Công	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
35	CNTT219	Thân Văn	Công	11/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
36	CNTT220	Nguyễn Thị Thu	Cúc	16/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt
37	CNTT221	La Mạnh	Cương	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	7.0	Đạt
38	CNTT222	Nguyễn Thanh	Cương	07/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
39	CNTT223	Hoàng Xuân	Cường	14/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	6.5	Đạt
40	CNTT224	Nguyễn Mạnh	Cường	26/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
41	CNTT225	Nguyễn Thế	Cường	03/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
42	CNTT226	Nguyễn Văn	Cường	14/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.5	Đạt
43	CNTT227	Nguyễn Văn	Cường	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt
44	CNTT228	Trần Văn	Cường	14/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
45	CNTT229	Đào Đình	Diệm	24/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
46	CNTT230	Giáp Văn	Dinh	26/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
47	CNTT231	Nguyễn Thị Phương	Dung	24/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
48	CNTT232	Dương Văn	Dũng	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
49	CNTT233	Giáp Văn	Dũng	19/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
50	CNTT234	Nguyễn Thái	Dũng	01/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
51	CNTT235	Phạm Văn	Dũng	07/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
52	CNTT236	Trần Văn	Dũng	14/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
53	CNTT237	Trần Việt	Dũng	03/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt
54	CNTT238	Trần Việt	Dũng	20/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
55	CNTT239	Bùi Đức	Duy	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
56	CNTT240	Đỗ Thiệu	Duy	19/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
57	CNTT241	Nguyễn Xuân	Duy	02/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
58	CNTT242	Giáp Minh	Dương	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
59	CNTT243	Hoàng Văn	Dương	26/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
60	CNTT244	Nguyễn Hoàng	Dương	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
61	CNTT245	Nguyễn Văn	Dương	08/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
62	CNTT246	Vũ Đăng	Dương	25/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
63	CNTT247	Hồ Gia	Đại	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7.0	6.0	Đạt
64	CNTT248	Lưu Quang	Đại	20/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.2	7.0	Đạt
65	CNTT249	Trần Hồng	Đại	02/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
66	CNTT250	Vi Văn	Đạo	23/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5.7	7.0	Đạt
67	CNTT251	Giáp Văn	Đạt	04/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
68	CNTT252	Nguyễn Hữu	Đạt	19/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt
69	CNTT253	Nguyễn Thành	Đạt	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
70	CNTT254	Nguyễn Tiến	Đạt	09/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
71	CNTT255	Nguyễn Tuấn	Đạt	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
72	CNTT256	Tổng Quốc	Đạt	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
73	CNTT257	Trần Tuấn	Đạt	05/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
74	CNTT258	Hoàng Hải	Đảng	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.0	7.0	Đạt
75	CNTT259	Nguyễn Hải	Đảng	04/10/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
76	CNTT260	Nguyễn Thị	Điểm	18/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
77	CNTT261	Triệu Văn	Điệp	17/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt
78	CNTT262	Nguyễn Đức	Đoan	24/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
79	CNTT263	Nguyễn Văn	Đoàn	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
80	CNTT264	Phạm Văn	Đoàn	08/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	5.5	Đạt
81	CNTT265	Hoàng Ngọc	Đông	09/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
82	CNTT266	Nguyễn Duy	Đông	07/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
83	CNTT267	Chu Văn	Đức	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt
84	CNTT268	Đặng Văn	Đức	06/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
85	CNTT269	Nguyễn Văn	Đức	30/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
86	CNTT270	Tăng Văn	Đức	30/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.5	Đạt
87	CNTT271	Thân Văn	Đức	11/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
88	CNTT272	Trần Minh	Đức	12/08/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
89	CNTT273	Trương Ngọc	Đức	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.5	Đạt
90	CNTT275	Đinh Văn	Giang	04/08/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
91	CNTT276	Hứa Viết	Giang	28/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt
92	CNTT277	Nguyễn Văn	Giang	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.2	7.5	Đạt
93	CNTT278	Dương Văn Hải	Hà	23/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	7.0	Đạt
94	CNTT279	Nguyễn Mạnh	Hà	20/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
95	CNTT280	Tạ Ngọc	Hà	04/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt
96	CNTT281	Nguyễn Văn	Hạ	01/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
97	CNTT282	Giáp Văn	Hải	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
98	CNTT283	Hỷ Kim	Hải	20/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6.2	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
99	CNTT284	Lê Hồng	Hải	12/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7.0	7.5	Đạt
100	CNTT285	Nguyễn Đức	Hải	02/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
101	CNTT286	Nguyễn Hồng	Hải	01/02/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
102	CNTT287	Thân Ngọc	Hải	09/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
103	CNTT288	Bạch Quang	Hạnh	09/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
104	CNTT289	Nguyễn Văn	Hạnh	07/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt
105	CNTT290	Phùng Đức	Hạnh	11/12/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt
106	CNTT291	Hoàng Anh	Hào	14/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
107	CNTT292	Nguyễn Văn	Hào	25/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
108	CNTT293	Nguyễn Thị	Hằng	13/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
109	CNTT294	Nguyễn Thị Thu	Hằng	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
110	CNTT295	Đỗ Danh	Hân	11/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
111	CNTT296	Đinh Xuân	Hậu	12/11/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
112	CNTT297	Nguyễn Công	Hậu	27/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt
113	CNTT298	Nông Đức	Hậu	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	7.5	Đạt
114	CNTT299	Nguyễn Đức	Hiến	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
115	CNTT300	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt
116	CNTT301	Trương Thị	Hiền	11/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt
117	CNTT302	Nguyễn Quang	Hiền	30/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
118	CNTT303	Thân Văn	Hiền	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
119	CNTT304	Dương Văn	Hiệp	27/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
120	CNTT305	Nguyễn Văn	Hiệp	22/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
121	CNTT306	Nguyễn Văn	Hiệp	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
122	CNTT307	Nguyễn Văn	Hiệp	20/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.0	Đạt
123	CNTT308	Tạ Hải	Hiệp	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
124	CNTT309	Dương Trung	Hiếu	31/07/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
125	CNTT310	Nguyễn Văn	Hiếu	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
126	CNTT312	Thân Văn	Hiếu	14/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt
127	CNTT313	Phạm Minh	Hiếu	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
128	CNTT314	Tổng Thị	Hoa	02/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
129	CNTT315	Sầm Văn	Hoà	19/08/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.2	6.5	Đạt
130	CNTT316	Hoàng Thị Thu	Hoài	15/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
131	CNTT317	Nguyễn Thị Thu	Hoài	05/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
132	CNTT318	Quất Văn	Hoàn	26/10/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
133	CNTT319	Đình Tiến	Hoàng	20/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
134	CNTT320	Lê Đức	Hoàng	23/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
135	CNTT321	Nguyễn Huy	Hoàng	29/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
136	CNTT322	Nguyễn Văn	Hoàng	30/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
137	CNTT323	Trương Ánh	Hoàng	24/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
138	CNTT324	Nguyễn Văn	Hô	22/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
139	CNTT325	Đỗ Thị	Hồng	23/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	8.0	Đạt
140	CNTT326	Đồng Thị Bích	Hồng	23/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt
141	CNTT327	Nguyễn Văn	Hội	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt
142	CNTT328	Hoàng Duy	Hợp	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt
143	CNTT329	Phạm Minh	Huân	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
144	CNTT330	Nguyễn Thành	Huân	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.5	Đạt
145	CNTT331	Bùi Thị	Huệ	24/06/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
146	CNTT332	Đỗ Đức	Hùng	05/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
147	CNTT333	Đỗ Đức	Hùng	29/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
148	CNTT334	Đỗ Văn	Hùng	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
149	CNTT335	Hà Mạnh	Hùng	17/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
150	CNTT336	Mà Văn	Hùng	27/12/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	8.0	Đạt
151	CNTT337	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
152	CNTT338	Nguyễn Văn	Hùng	31/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
153	CNTT339	Nguyễn Văn	Hùng	28/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
154	CNTT340	Nguyễn Văn	Hùng	16/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
155	CNTT341	Phí Quang	Hùng	04/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
156	CNTT342	Trần Văn	Hùng	26/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
157	CNTT343	Trần Xuân	Hùng	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt
158	CNTT344	Vũ Mạnh	Hùng	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
159	CNTT345	Bùi Quang	Huy	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	8.0	Đạt
160	CNTT346	Chu Văn	Huy	22/07/2002	Hải Phòng	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
161	CNTT347	Đỗ Quốc	Huy	13/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
162	CNTT348	Nguyễn Quang	Huy	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
163	CNTT349	Nguyễn Văn	Huy	11/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
164	CNTT350	Hà Mỹ	Huyền	20/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt
165	CNTT351	Nguyễn Thị Minh	Huyền	25/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt
166	CNTT352	Trịnh Thị Khánh	Huyền	24/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt
167	CNTT353	Lê Quang	Hưng	26/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
168	CNTT354	Trương Văn	Hưng	20/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
169	CNTT355	Nguyễn Văn	Hương	24/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
170	CNTT356	Ong Thị Yên	Hương	18/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt
171	CNTT357	Nguyễn Thị	Hường	03/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
172	CNTT358	Nguyễn Văn	Hưởng	15/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
173	CNTT359	Nguyễn Đình	Khải	21/04/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6.5	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
174	CNTT360	Đỗ Văn	Khanh	23/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
175	CNTT361	Bùi Văn	Khánh	05/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
176	CNTT362	Lưu Quốc	Khánh	21/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt
177	CNTT363	Nguyễn Đình	Khánh	05/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
178	CNTT364	Nguyễn Văn	Khánh	31/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
179	CNTT365	Nguyễn Văn	Khánh	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
180	CNTT366	Trần Duy	Khánh	03/10/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	8.0	Đạt
181	CNTT367	Khúc Duy	Khiêm	30/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	7.0	Đạt
182	CNTT368	Mạc Văn	Khiên	24/06/1999	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt
183	CNTT369	Nguyễn Tuấn	Khôi	22/06/2003	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
184	CNTT370	Dương Mạnh	Khuyến	24/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
185	CNTT371	Lài Trung	Kiên	02/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt
186	CNTT372	Nguyễn Trung	Kiên	28/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
187	CNTT373	Nguyễn Văn	Kiên	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
188	CNTT374	Trần Quang	Kiên	20/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
189	CNTT375	Vi Trung	Kiên	27/10/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	6.5	Đạt
190	CNTT376	Nguyễn Thị	Lai	23/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
191	CNTT377	Vy Văn	Lam	01/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
192	CNTT378	Đỗ Thị Mai	Lan	12/09/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt
193	CNTT379	Tăng Ngọc	Lâm	01/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
194	CNTT380	Nguyễn Tiến	Lân	22/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt
195	CNTT381	Thân Thị Mỹ	Lệ	19/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt
196	CNTT382	Nguyễn Đức	Lên	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
197	CNTT383	Nguyễn Thị Thanh	Lịch	03/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt
198	CNTT384	Vũ Tá	Liên	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
199	CNTT385	Đỗ Thị Khánh	Linh	21/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
200	CNTT386	Dương Tuấn	Linh	18/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
201	CNTT387	Hoàng Quang	Linh	16/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	7.0	Đạt
202	CNTT388	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt
203	CNTT389	Phạm Ngọc	Linh	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
204	CNTT390	Nguyễn Xuân	Lĩnh	30/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
205	CNTT391	Đỗ Thành	Long	11/06/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	8.0	Đạt
206	CNTT392	Nguyễn Trần Duy	Long	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
207	CNTT393	Giáp Văn	Lợi	25/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
208	CNTT394	Vũ Thế	Lợi	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
209	CNTT395	Trần Văn	Luật	23/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
210	CNTT396	Nguyễn Ngọc	Luyên	24/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
211	CNTT397	Trương Văn	Luyện	07/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
212	CNTT398	Vi Tuấn	Lục	30/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	8.0	Đạt
213	CNTT399	Vũ Đức	Lương	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
214	CNTT400	Hoàng Thị Thùy	Ly	17/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
215	CNTT401	Tăng Văn	Lý	22/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
216	CNTT402	Cao Đức	Mạnh	22/11/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	8.0	Đạt
217	CNTT403	Đỗ Đức	Mạnh	29/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
218	CNTT404	Hoàng Đức	Mạnh	11/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
219	CNTT405	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
220	CNTT406	Nguyễn Đức	Mạnh	11/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
221	CNTT407	Nguyễn Văn	Mạnh	20/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
222	CNTT408	Nguyễn Văn	Mạnh	11/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
223	CNTT409	Nông Đức	Mạnh	19/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.5	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
224	CNTT410	Nông Đức	Mạnh	04/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.7	6.5	Đạt
225	CNTT411	Nông Văn	Mạnh	22/11/2001	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.5	6.5	Đạt
226	CNTT412	Thân Văn	Mạnh	21/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
227	CNTT413	Vy Đức	Mạnh	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	7.0	Đạt
228	CNTT414	Vi Thế	Mạnh	19/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt
229	CNTT415	Chu Văn	Mến	11/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt
230	CNTT416	Đoàn Ngọc	Minh	23/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
231	CNTT417	Nguyễn Trần Nhật	Minh	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7.0	7.0	Đạt
232	CNTT418	Nguyễn Quang	Mừng	24/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
233	CNTT419	Trương Thị Trà	My	18/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
234	CNTT420	Giáp Hoài	Nam	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
235	CNTT421	Mã Đức	Nam	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	7.0	Đạt
236	CNTT422	Nguyễn Hoài	Nam	16/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
237	CNTT423	Nguyễn Văn	Nam	13/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
238	CNTT424	Bằng Thị Kiều	Nga	22/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6.2	7.0	Đạt
239	CNTT425	Ngô Thị	Nga	08/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt
240	CNTT426	Tăng Thị Hằng	Nga	29/09/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt
241	CNTT427	Diêm Thị	Ngân	26/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
242	CNTT428	Vũ Tuấn	Nghĩa	12/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
243	CNTT429	Vũ Văn	Nghĩa	30/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
244	CNTT430	Nguyễn Văn	Nghiêm	17/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
245	CNTT431	Chu Hồng	Ngọc	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
246	CNTT432	Lăng Văn	Ngọc	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt
247	CNTT433	Nguyễn Đức	Nguyên	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
248	CNTT434	Nguyễn Hữu	Nguyên	22/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
249	CNTT435	Nguyễn Ngọc	Nguyên	08/04/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
250	CNTT436	Nguyễn Trung	Nguyên	02/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt
251	CNTT437	Lương Xuân	Nguyên	07/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt
252	CNTT438	Đinh Duy	Ngữ	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
253	CNTT439	Hoàng Thế	Ngữ	17/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
254	CNTT440	Nguyễn Vũ	Nhạc	29/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
255	CNTT441	Vũ Thị Thanh	Nhàn	17/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.5	Đạt
256	CNTT442	Vy Văn	Nhâm	23/10/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt
257	CNTT443	Lâm Trọng	Nhân	11/11/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	6.0	Đạt
258	CNTT444	Lý Văn	Nhật	05/11/1994	Cao Bằng	Nam	Nùng	7.0	7.5	Đạt
259	CNTT445	Nguyễn Hồng	Nhật	10/10/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
260	CNTT446	Đặng Thị	Nhung	26/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
261	CNTT447	Đặng Thị Hồng	Nhung	26/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt
262	CNTT448	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt
263	CNTT449	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	08/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt
264	CNTT450	Thân Thị	Oanh	18/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt
265	CNTT451	Hà Ngọc	Phong	25/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
266	CNTT452	Lê Hồng	Phong	24/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
267	CNTT453	Trần Duy	Phong	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt
268	CNTT454	Lê Quang	Phú	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
269	CNTT455	Trần Minh	Phú	16/09/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7.2	6.0	Đạt
270	CNTT456	Nguyễn Phúc	Phúc	21/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
271	CNTT457	Trần Quang	Phúc	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
272	CNTT458	Hà Văn	Phương	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.5	Đạt
273	CNTT459	Ngô Thị Lan	Phương	18/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
274	CNTT460	Nguyễn Duy	Phương	19/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
275	CNTT461	Thân Thu	Phương	04/10/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.0	Đạt
276	CNTT462	Dương Thị Kim	Phượng	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt
277	CNTT463	Vũ Văn	Quản	18/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
278	CNTT464	Đồng Văn	Quang	08/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
279	CNTT465	Nguyễn Đình	Quang	14/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
280	CNTT466	Vũ Duy	Quang	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
281	CNTT467	Nguyễn Văn	Quảng	15/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
282	CNTT468	Nguyễn Minh	Quân	23/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
283	CNTT469	Vũ Ngọc Lê	Quân	19/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt
284	CNTT470	Vũ Xuân	Quý	26/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
285	CNTT471	Bùi Văn	Quý	28/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
286	CNTT472	Chu Văn	Quý	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
287	CNTT473	Nguyễn Đình	Quý	03/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
288	CNTT474	Nguyễn Hữu	Quý	31/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
289	CNTT475	Phạm Hữu	Quý	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
290	CNTT476	Trần Đức	Quý	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6.7	6.5	Đạt
291	CNTT477	Vũ Đình	Quý	01/08/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
292	CNTT478	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt
293	CNTT479	Đinh Quốc	Quyên	16/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
294	CNTT480	Ngô Thế	Quyên	21/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
295	CNTT481	Ngọc Trung	Quyên	06/09/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	7.0	5.0	Đạt
296	CNTT482	Nguyễn Văn	Quyên	25/10/2003	Dăk Lăk	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
297	CNTT483	Nguyễn Văn	Quyên	02/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
298	CNTT484	Ninh Văn	Quyết	30/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
299	CNTT485	Vũ Đình	Quyết	13/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
300	CNTT486	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
301	CNTT487	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt
302	CNTT488	Nguyễn Trọng	Quỳnh	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
303	CNTT489	Đào Công	Sáng	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
304	CNTT490	Giáp Văn	Sáng	25/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
305	CNTT491	Trần Văn	Sáng	21/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
306	CNTT492	Hoàng Anh	Son	31/07/2003	Ninh Bình	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
307	CNTT493	Hung Thanh	Son	12/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
308	CNTT494	Lê Công	Son	29/10/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
309	CNTT495	Ngô Hồng	Son	10/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
310	CNTT496	Nguyễn Khắc	Son	05/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
311	CNTT497	Ong Thế	Son	08/11/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
312	CNTT498	Trần Văn	Tài	15/08/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
313	CNTT499	Nguyễn Văn	Tám	03/04/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
314	CNTT500	Đỗ Văn	Tâm	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
315	CNTT501	Đồng Văn	Tâm	25/04/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
316	CNTT502	Dương Đức	Tâm	06/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
317	CNTT503	Nguyễn Văn	Tâm	12/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
318	CNTT504	Nguyễn Trọng	Tấn	19/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
319	CNTT505	Hoàng Ngọc	Thạch	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
320	CNTT506	Ngô Văn	Thanh	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
321	CNTT507	Nguyễn Thị	Thanh	13/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt
322	CNTT508	Nguyễn Văn	Thanh	27/03/2003	TP Hồ Chí Minh	Nam	Thái	6.5	6.0	Đạt
323	CNTT509	Dương Văn	Thành	10/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
324	CNTT510	Hoàng Chủ	Thành	28/06/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7.0	5.5	Đạt
325	CNTT511	Lê Văn	Thành	06/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
326	CNTT512	Nguyễn Đức	Thành	23/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.0	Đạt
327	CNTT513	Nguyễn Xuân	Thành	18/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt
328	CNTT514	Ninh Đắc	Thành	04/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	6.0	Đạt
329	CNTT515	Tăng Văn	Thao	08/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
330	CNTT516	Nguyễn Thu	Thảo	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
331	CNTT517	Vi Thị Phương	Thảo	08/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.5	5.5	Đạt
332	CNTT518	Đặng Thị	Thắm	24/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
333	CNTT519	Ninh Văn	Thăng	10/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
334	CNTT520	Dương Đức	Thắng	10/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt
335	CNTT521	Hà Toàn	Thắng	23/06/1971	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.5	Đạt
336	CNTT522	Lê Xuân	Thắng	06/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
337	CNTT523	Nguyễn Văn	Thắng	08/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
338	CNTT524	Nguyễn Văn	Thắng	09/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
339	CNTT525	Trần Đức	Thắng	07/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
340	CNTT526	Trịnh Minh	Thắng	18/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
341	CNTT527	Vũ Đình	Thắng	19/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
342	CNTT528	Trương Công	Thắm	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
343	CNTT529	Ngô Thành	Thế	19/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
344	CNTT530	Nguyễn Ngọc	Thi	19/12/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.5	Đạt
345	CNTT531	Phạm Ngọc	Thiện	07/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
346	CNTT532	Tạ Xuân	Thiều	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.7	6.0	Đạt
347	CNTT533	Trần Văn	Thỏa	14/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
348	CNTT534	Nguyễn Thị Minh	Thu	08/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
349	CNTT535	Đặng Văn	Thuận	12/08/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	6.0	Đạt
350	CNTT536	Lê Văn	Thuận	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
351	CNTT537	Phùng Xuân	Thủy	19/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
352	CNTT538	Tổng Thanh	Thủy	25/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	5.5	Đạt
353	CNTT539	Lý Thị	Thư	06/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	6.0	Đạt
354	CNTT540	Nguyễn Thị Huệ	Thư	29/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	5.5	Đạt
355	CNTT541	Bùi Văn	Thức	02/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
356	CNTT542	Linh Văn	Thường	07/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt
357	CNTT543	Ngọc Xuân	Thường	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
358	CNTT544	Nguyễn Văn	Tiềm	06/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
359	CNTT545	Nguyễn Duy	Tiên	16/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
360	CNTT546	Đỗ	Tiến	06/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
361	CNTT547	Hoàng Đức	Tiến	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
362	CNTT548	Trịnh Ngọc	Tiến	04/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
363	CNTT549	Nguyễn Văn	Tình	21/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
364	CNTT550	Nguyễn Đức	Toán	26/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt
365	CNTT551	Đinh Văn	Toàn	21/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
366	CNTT552	Nguyễn Khánh	Toàn	20/12/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
367	CNTT553	Hoàng Minh	Toàn	25/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt
368	CNTT554	Lê Thuỳ	Trang	29/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
369	CNTT555	Ngô Thị Huyền	Trang	29/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt
370	CNTT556	Bùi Công	Trinh	04/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
371	CNTT557	Vũ Văn	Trọng	11/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
372	CNTT559	Đỗ Đức	Trung	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
373	CNTT560	Nguyễn Đình	Trung	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	5.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
374	CNTT561	Nguyễn Thành	Trung	11/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
375	CNTT562	Nguyễn Văn	Trung	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
376	CNTT563	Trần Quốc	Trung	17/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
377	CNTT564	Đàm Văn	Trường	28/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt
378	CNTT565	Giáp Văn	Trường	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
379	CNTT566	Lê Quang	Trường	20/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.0	Đạt
380	CNTT567	Lương Xuân	Trường	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
381	CNTT568	Nguyễn Văn	Trường	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
382	CNTT569	Nguyễn Văn	Trường	23/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt
383	CNTT570	Bùi Thế	Tú	24/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
384	CNTT571	Đỗ Ngọc	Tú	12/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
385	CNTT572	Dương Trọng	Tú	08/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	5.5	Đạt
386	CNTT573	Giáp Văn	Tú	04/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
387	CNTT574	Nguyễn Văn	Tú	28/08/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
388	CNTT575	Nguyễn Văn	Tú	14/10/2001	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt
389	CNTT576	Thân Văn	Tú	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
390	CNTT577	Đỗ Anh	Tuấn	16/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	5.0	Đạt
391	CNTT578	Hoàng Anh	Tuấn	17/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	7.0	Đạt
392	CNTT579	Hứa Trọng	Tuấn	15/10/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.0	6.0	Đạt
393	CNTT580	Nguyễn Đức	Tuấn	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
394	CNTT581	Nguyễn Quốc	Tuấn	07/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
395	CNTT582	Thân Đức	Tuấn	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
396	CNTT583	Thân Văn	Tuấn	03/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
397	CNTT584	Bạch Thanh	Tùng	04/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
398	CNTT585	Hoàng Thanh	Tùng	10/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
399	CNTT586	Nguyễn Phúc	Tùng	28/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
400	CNTT587	Nguyễn Thanh	Tùng	06/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
401	CNTT588	Thân Hoàng	Tùng	01/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
402	CNTT589	Trần Thanh	Tùng	09/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
403	CNTT590	Vi Văn	Tuyên	24/08/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	7.2	6.0	Đạt
404	CNTT591	Thị Văn	Tuyển	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt
405	CNTT592	Diệp Thị	Tuyết	29/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6.2	6.0	Đạt
406	CNTT593	Trần Minh	Công	24/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt
407	CNTT595	Nguyễn Tùng	Dương	31/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
408	CNTT596	Lương Quý	Tùng	17/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
409	CNTT597	Lý Thị	Uyên	15/04/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7.0	5.0	Đạt
410	CNTT598	Ngụy Thị	Vân	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
411	CNTT599	Trần Thị	Vân	08/03/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
412	CNTT600	Hoàng Hà	Vi	20/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt
413	CNTT601	Đỗ Văn	Vĩ	19/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
414	CNTT602	Lê Nhật	Việt	08/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
415	CNTT603	Vi Văn	Việt	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.7	6.0	Đạt
416	CNTT604	Nguyễn Văn	Vinh	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
417	CNTT605	Bùi Văn	Vũ	01/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
418	CNTT606	Chu Xuân	Vũ	31/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
419	CNTT607	Hoàng Tiến	Vũ	27/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
420	CNTT608	Nguyễn Tuấn	Vũ	20/09/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
421	CNTT609	Vi Xuân	Vũ	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.0	Đạt
422	CNTT610	Nguyễn Hồng	Xuân	04/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
423	CNTT611	Nguyễn Vũ Hải	Yến	26/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
424	CNTT612	Dương Ngọc	An	20/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
425	CNTT613	Nguyễn Trường	An	24/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
426	CNTT614	Vũ Đình	An	03/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
427	CNTT615	Đàm Việt	Anh	09/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
428	CNTT616	Đỗ Đức Giàu	Anh	18/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	5.0	Đạt
429	CNTT617	Hoàng Đình	Anh	03/07/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
430	CNTT618	Ngô Tuấn	Anh	03/12/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
431	CNTT619	Nguyễn Duy	Anh	12/06/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
432	CNTT620	Nguyễn Thế	Anh	14/02/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
433	CNTT621	Phạm Nam	Anh	17/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
434	CNTT622	Đỗ Khoan	Bình	20/10/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
435	CNTT623	Nguyễn Trọng	Bình	13/10/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
436	CNTT624	Nguyễn Trọng	Bộ	25/10/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
437	CNTT625	Nguyễn Huy	Chiến	28/05/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
438	CNTT626	Trần Văn	Chiến	17/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
439	CNTT627	Nguyễn Xuân	Cương	29/11/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
440	CNTT628	Hà Chí	Cường	07/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
441	CNTT629	Hoàng Quốc	Cường	12/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
442	CNTT630	Nguyễn Công	Cường	14/12/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
443	CNTT631	Nguyễn Văn	Cường	06/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
444	CNTT632	Nguyễn Huy	Du	27/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
445	CNTT633	Lê Hữu	Dũng	08/09/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
446	CNTT634	Nguyễn Thế	Dũng	06/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.7	7.0	Đạt
447	CNTT635	Nguyễn Trung	Dũng	31/03/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
448	CNTT636	Nguyễn Văn	Dũng	21/06/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
449	CNTT637	Nguyễn Văn	Dũng	22/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
450	CNTT638	Bùi Tá	Duy	26/06/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
451	CNTT639	Cao Ngọc	Duy	02/08/2005	Liên Bang Nga	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
452	CNTT640	Đỗ Anh	Duy	11/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
453	CNTT641	Phạm Tiến	Duy	26/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
454	CNTT642	Đỗ Đức	Dương	07/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
455	CNTT643	Nguyễn Văn	Đại	17/09/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
456	CNTT644	Nguyễn Phúc	Đạo	28/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
457	CNTT645	Cáp Trọng	Đạt	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
458	CNTT646	Đỗ Văn	Đạt	24/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
459	CNTT647	Trần Văn	Đạt	13/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
460	CNTT648	Nguyễn Đình	Điền	22/10/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.5	Đạt
461	CNTT649	Trịnh Hữu	Đồng	14/09/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
462	CNTT650	Nguyễn Bảo	Đức	31/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
463	CNTT651	Nguyễn Phúc	Đức	27/11/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
464	CNTT652	Nguyễn Trường	Giang	20/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
465	CNTT653	Nguyễn Văn	Giang	04/07/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
466	CNTT654	Phạm Thị Hương	Giang	28/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt
467	CNTT655	Nguyễn Việt	Hà	28/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
468	CNTT656	Nguyễn Văn	Hải	29/04/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
469	CNTT657	Nguyễn Đức	Hạnh	01/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
470	CNTT658	Đỗ Đình	Hào	08/03/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
471	CNTT659	Hồ Quang	Hào	10/04/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
472	CNTT660	Nguyễn Văn	Hiền	28/06/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	6.5	Đạt
473	CNTT661	Vũ Mạnh	Hiệp	03/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
474	CNTT662	Nguyễn Trung	Hiếu	07/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
475	CNTT663	Ngô Quang	Hoan	24/02/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
476	CNTT664	Đỗ Huy	Hoàng	25/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
477	CNTT665	Nguyễn Đăng	Hoàng	27/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
478	CNTT666	Nguyễn Đình	Hoàng	10/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
479	CNTT667	Nguyễn Huy	Huê	02/10/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
480	CNTT668	Ngô Văn	Hùng	13/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
481	CNTT669	Nguyễn Văn Mạnh	Hùng	08/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
482	CNTT670	Đàm Mạnh Gia	Huy	19/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	5.5	Đạt
483	CNTT671	Lê Đăng	Huy	11/08/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	8.0	Đạt
484	CNTT672	Nguyễn Đức	Huy	23/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
485	CNTT673	Nguyễn Đức	Huy	14/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
486	CNTT674	Nguyễn Xuân	Huy	17/03/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
487	CNTT675	Vũ Gia	Huy	01/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
488	CNTT676	Vũ Văn	Huỳnh	08/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
489	CNTT677	Nguyễn Sỹ	Hưng	23/02/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
490	CNTT678	Nguyễn Tuấn	Hưng	23/04/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt
491	CNTT679	Nguyễn Tuấn	Hưng	04/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
492	CNTT680	Nguyễn Văn	Hưng	21/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
493	CNTT681	Trần Văn	Hưởng	22/09/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
494	CNTT682	Nguyễn Đình	Khang	11/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
495	CNTT683	Lê Văn	Khuê	18/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
496	CNTT684	Nguyễn Thế	Khuyến	11/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
497	CNTT685	Đỗ Trung	Kiên	16/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
498	CNTT687	Nguyễn Trung	Kiên	11/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
499	CNTT688	Nguyễn Trung	Kiên	15/10/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
500	CNTT689	Nguyễn Văn	Kiên	28/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
501	CNTT690	Nguyễn Xuân	Kiên	24/07/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
502	CNTT691	Nguyễn Thị	Liên	04/04/1988	Nghệ An	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt
503	CNTT692	Đào Nhất	Long	18/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
504	CNTT693	Ngô Văn	Lộc	10/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
505	CNTT694	Nguyễn Đức	Lộc	26/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
506	CNTT695	Nguyễn Văn	Lộc	16/07/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
507	CNTT696	Vũ Xuân	Lương	24/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	5.5	Đạt
508	CNTT697	Đặng Đức	Nghĩa	07/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
509	CNTT698	Nguyễn Văn	Nghinh	26/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
510	CNTT699	Cáp Trọng	Nguyên	28/10/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
511	CNTT700	Nguyễn Duy	Nguyên	03/07/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.0	Đạt
512	CNTT701	Vũ Hoàng	Nguyên	17/11/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
513	CNTT702	Ngô Văn	Nhu	23/04/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
514	CNTT703	Nguyễn Thị Thanh	Nương	23/10/2005	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt
515	CNTT704	Nguyễn Văn	Phong	24/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
516	CNTT705	Nguyễn Việt	Phong	18/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
517	CNTT706	Bùi Minh	Phúc	17/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
518	CNTT707	Nguyễn Văn	Phúc	30/03/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
519	CNTT708	Nguyễn Việt	Quang	01/11/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
520	CNTT709	Nguyễn Hữu	Quân	28/10/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	7.0	Đạt
521	CNTT710	Nguyễn Duy	Quý	09/10/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
522	CNTT711	Nguyễn Quang	Quyền	22/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
523	CNTT712	Vũ Văn	Quyền	17/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
524	CNTT713	Đỗ Đình Quỳnh	09/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
525	CNTT714	Nguyễn Trọng Sơn	24/09/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
526	CNTT715	Nguyễn Duy Sơn	27/05/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
527	CNTT716	Nguyễn Ngọc Sơn	12/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	8.5	Đạt
528	CNTT717	Phạm Thế Sơn	14/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
529	CNTT718	Nguyễn Công Tài	25/03/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
530	CNTT719	Nguyễn Phương Tài	06/02/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
531	CNTT720	Hoàng Đức Tâm	11/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
532	CNTT721	Nguyễn Danh Thái	24/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
533	CNTT722	Nguyễn Danh Thái	04/07/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
534	CNTT723	Nguyễn Văn Thái	22/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
535	CNTT724	Thân Trọng Thanh	02/04/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
536	CNTT725	Nguyễn Công Thành	11/10/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
537	CNTT726	Nguyễn Công Thành	09/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
538	CNTT727	Nguyễn Thế Thảo	07/03/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
539	CNTT728	Trần Thị Thảo	31/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
540	CNTT729	Vũ Văn Thắm	04/02/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
541	CNTT730	Nguyễn Văn Thắng	19/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	8.0	Đạt
542	CNTT731	Nguyễn Chiến Thắng	28/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
543	CNTT732	Trần Thọ Thắng	20/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
544	CNTT733	Đỗ Văn Thận	29/11/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
545	CNTT734	Đỗ Văn Thích	13/09/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
546	CNTT735	Trần Ngọc Thiện	03/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
547	CNTT736	Nguyễn Trọng Thịnh	20/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
548	CNTT737	Nguyễn Văn Thuận	18/11/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
549	CNTT738	Ngô Văn	Thủy	02/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
550	CNTT740	Bùi Minh	Tiến	17/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
551	CNTT741	Nguyễn Văn	Tiến	29/06/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
552	CNTT742	Phạm Tiến	Tiến	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
553	CNTT743	Tổng Ngọc	Tiến	02/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	8.5	Đạt
554	CNTT744	Nguyễn Xuân	Toàn	03/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
555	CNTT745	Nguyễn Duy	Toàn	26/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
556	CNTT746	Lê Đăng	Tới	30/01/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
557	CNTT747	Nguyễn Quý	Trọng	08/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
558	CNTT748	Nguyễn Doãn Thanh	Trúc	14/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
559	CNTT749	Nguyễn Văn	Trung	30/06/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
560	CNTT750	Ngô Văn	Trường	14/09/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
561	CNTT751	Bùi Mạnh	Tú	12/03/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
562	CNTT752	Nguyễn Đức	Tú	11/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
563	CNTT753	Nguyễn Bình	Tú	22/08/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
564	CNTT754	Nguyễn Đăng	Tú	20/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
565	CNTT755	Nguyễn Anh	Tuấn	24/05/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
566	CNTT756	Tăng Văn Anh	Tuấn	28/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
567	CNTT757	Hoàng Văn	Tùng	25/07/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
568	CNTT758	Nguyễn Đức	Tường	25/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
569	CNTT759	Đào Quang	Vinh	02/01/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
570	CNTT760	Đoàn Quang	Vinh	29/06/2006	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
571	CNTT761	Nguyễn Quang	Vinh	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
572	CNTT763	Trần Đăng	Vinh	02/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
573	CNTT764	Nguyễn Phương	Vũ	08/06/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	8.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
574	CNTT765	Nguyễn Trọng Vũ	03/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	8.5	Đạt
575	CNTT767	Nguyễn Hữu Vương	08/12/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	5.5	Đạt
576	CNTT768	Nguyễn Tiến Vượng	17/09/2005	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 576./.